

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2025/DS-PT

Ngày: 25-3-2025

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Phận

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Đức

Ông Phạm Văn Tĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Có - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2025/TLPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 201/2024/DS-ST ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 864/2025/QĐXXPT-DS ngày 05 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Ấp B, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Địa chỉ liên lạc: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn Lẹ E, sinh năm 1967; bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1969; ông Huỳnh Văn Vũ L, sinh năm 1992. Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn Lẹ E và bà Nguyễn Thị B: Ông Huỳnh Văn Vũ L, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1963.
Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị T: Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Ấp B, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Địa chỉ liên lạc: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Huỳnh Văn Vũ L là bị đơn và cũng là người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn ông Huỳnh Văn Lệ E, bà Nguyễn Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm;

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T trình bày:

Bà N là chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Hồng N, mã số hộ kinh doanh 8238134068, mã số đăng ký hộ kinh doanh 55D8002785 do Phòng tài chính - Kế hoạch huyện M cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh lần đầu ngày 12 tháng 12 năm 2014 và đăng ký thay đổi ngày 20 tháng 9 năm 2024.

Vào năm 2014, hộ kinh doanh của bà có thỏa thuận bán thức ăn chăn nuôi heo cho gia đình ông Huỳnh Văn Lệ E, bà Nguyễn Thị B và ông Huỳnh Văn Vũ L do bà Phạm Thị T là mẹ ruột của bà N đứng ra giao dịch. Hai bên chỉ thỏa thuận miệng, phương thức mua bán là bên bà N giao thức ăn đến nhà cho ông L1 Em nhận, có sổ theo dõi và khoảng 02 tuần bên mua ký xác nhận một lần. Khi mỗi lứa heo xuất chuồng (khoảng 06 tháng), bên mua phải trả tiền thức ăn của lứa heo đó. Tuy nhiên, sau nhiều đợt mua thức ăn nhưng bên ông Lệ E không trả đủ thì ngày 13/10/2019 hai bên chấm dứt mua bán và số nợ lúc này là 361.708.000 đồng. Bị đơn có trả tiền nhiều lần đến ngày ngày 21/5/2022 âm lịch (nhằm ngày 19/6/2022 dương lịch), bà N tổng kết thì số tiền nợ của bị đơn là 296.708.000 đồng. Từ ngày 07/4/2023 âm lịch đến ngày 26/8/2024 âm lịch bị đơn trả được 16 lần tổng cộng là 40.000.000 đồng và sau khi bà N khởi kiện trả thêm được 2.000.000 đồng, số tiền còn nợ hiện nay là 254.708.000 đồng.

Do không thỏa thuận được phương thức trả nợ nên nay bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Văn Lệ E, bà Nguyễn Thị B và ông Huỳnh Văn Vũ L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N số tiền nợ gốc mua thức ăn chăn nuôi heo tổng cộng là 254.708.000 đồng (hai trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm lẻ tám nghìn) đồng, yêu cầu tính lãi chậm trả của số tiền trên từ ngày 19

tháng 6 năm 2022 đến ngày Toà xét xử với mức lãi suất là 0,83%/tháng, thành tiền là 63.211.000 (sáu mươi ba triệu hai trăm mười một nghìn) đồng.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị đơn ông Huỳnh Văn Vũ L đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Huỳnh Văn L1 Em và bà Nguyễn Thị B trình bày:

Ông Huỳnh Văn Lẹ E, bà Nguyễn Thị B và ông Huỳnh Văn Vũ L thống nhất còn nợ bà Nguyễn Thị Hồng N số tiền mua thức ăn chăn nuôi heo tổng cộng là 254.708.000 (hai trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm lẻ tám nghìn) đồng và đồng ý ba người có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N số tiền nợ gốc trên. Tuy nhiên, sau khi hai bên chấm dứt mua bán thì bà Phạm Thị T có đồng ý cho gia đình ông trả dần số tiền nợ và không xác định trả trong thời hạn bao lâu, nội dung này các bên chỉ thoả thuận miệng nhưng thực tế trả tiền đã chứng minh vì gia đình ông thực hiện trả dần xuyên suốt từ năm 2019 cho đến nay, có ghi trong sổ theo dõi và được phía bà N ký nhận. Do đó, bị đơn không có chậm trả nợ và hai bên không có thoả thuận tính lãi chậm trả nên không đồng ý yêu cầu tính lãi của bà N. Ngoài ra, theo yêu cầu của bà Phạm Thị T nếu bên ông trả đủ tiền gốc một lần thì không tính lãi nên vào ngày 18/11/2024 ông có mang đủ số tiền 254.708.000 đồng đến nhà trả cho bà T nhận nhưng sau đó bà T đổi ý nên ông mang tiền về. Nay ông yêu cầu Toà án giải quyết cho gia đình ông trả dần số tiền nợ gốc và không đồng ý trả lãi.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 201/2024/DS-ST ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đã tuyên:

Căn cứ vào các điều 288, 357, 430, 440 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N.

Buộc bị đơn ông Huỳnh Văn Lẹ E, bà Nguyễn Thị B và ông Huỳnh Văn Vũ L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Hồng N số tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi heo tổng cộng là 254.708.000 (hai trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm lẻ tám nghìn) đồng và số tiền lãi là 63.211.000 (sáu mươi ba triệu hai trăm mười

một nghìn) đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự và thi hành bản án.

Ngày 27/12/2024, bị đơn ông Huỳnh Văn Vũ L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Theo nội dung kháng cáo, ông L yêu cầu:

+ Xác định lại tư cách tham gia tố tụng của ông Huỳnh Văn Vũ L không phải là bị đơn.

+ Không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ, nếu tính lãi thì yêu cầu xác định lại mốc thời gian không phải là ngày 19/6/2022.

+ Đề nghị tạm đình chỉ vụ án để chờ kết quả giải quyết của Cơ quan điều tra Công an huyện M.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn – ông Huỳnh Văn Vũ L giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Nguyên đơn đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Xét thấy kháng cáo của phía bị đơn là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn Vũ L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 201/2024/DS-ST ngày 16/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của ông Huỳnh Văn Vũ L; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Huỳnh Văn Vũ L kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Huỳnh Văn Lẹ E, bà Nguyễn Thị B và ông Huỳnh Văn Vũ L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi heo tổng cộng là 254.708.000 đồng và yêu cầu tính lãi của số tiền trên nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà N cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của bà bị xâm phạm bởi việc vi phạm thoả thuận trả tiền theo hợp đồng của bị đơn nên bà N có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 68 và Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét kháng cáo của ông Huỳnh Văn Vũ L, Hội đồng xét xử xét thấy:

Từ khoảng năm 2014, bà N và gia đình ông E, bà B, ông L có thoả thuận mua bán thức ăn chăn nuôi heo và thực hiện mua bán thông qua bà Phạm Thị T là mẹ ruột của bà N. Hai bên chỉ thoả thuận bằng lời nói, không có lập thành văn bản nhưng quá trình mua bán, phía bà N có ghi sổ theo dõi và phía ông E sẽ kiểm tra và xác nhận nợ từng thời điểm. Sau nhiều lần không trả đủ số tiền mua thức ăn của từng đợt heo ra chuồng (khoảng 06 tháng) thì đến ngày 13/10/2019 âm lịch bà N tổng kết nợ và xác định phía ông E còn nợ số tiền 361.708.000 đồng. Sau đó bị đơn có thực hiện trả nợ nhiều lần và đến ngày xét xử sơ thẩm, số tiền nợ còn lại được hai bên thống nhất trong quá trình giải quyết vụ án là 254.708.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông L đồng thời là người đại diện hợp pháp của ông E và bà B tự nguyện đồng ý ba người có nghĩa vụ liên đới trả cho chị N số tiền nợ gốc trên. Đó đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận. Đối với kháng cáo về việc ông L cho rằng ông không phải là bị đơn là không có căn cứ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, xác định chỉ yêu cầu tính lãi chậm trả của số tiền 254.708.000 đồng từ ngày 19/6/2022 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là ngày 16/12/2024, với mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 63.211.000 đồng.

Phía bị đơn không đồng ý tính lãi chậm trả với lý do hai bên không có thoả thuận và bị đơn không vi phạm nghĩa vụ trả tiền bởi vì bà Phạm Thị T là mẹ bà N đã đồng ý cho bị đơn trả dần và bị đơn vẫn đang thực hiện cam kết trả dần xuyên suốt cho đến nay. Ngoài ra, sau khi Tòa án thụ lý vụ án và tổ chức hoà giải thì bà T có yêu cầu bị đơn trả tất số tiền nợ gốc và sẽ không tính lãi. Do đó ngày 18/11/2024 ông L đã mang đủ số tiền 254.708.000 đồng đến nhà trả và bà

T nhận, nhưng sau đó bà T lại đổi ý và phía bị đơn nhận lại số tiền 254.708.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy các đương sự thống nhất thừa nhận hai bên đã chấm dứt việc mua bán từ năm 2019 và ngày chốt nợ cuối cùng là ngày 19/6/2022. Do đó, kể từ ngày chốt nợ này phía bị đơn đã có nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn. Bị đơn cho rằng hai bên có thoả thuận trả dần và vẫn thực hiện đúng thoả thuận nhưng nguyên đơn không thừa nhận, nguyên đơn cho rằng việc nhận tiền nhiều lần từ bị đơn là do bị đơn không có khả năng trả đủ nên đưa bao nhiêu thì nhận bấy nhiêu. Bị đơn lại không có tài liệu, chứng cứ khác chứng minh thoả thuận trả dần trong thời gian bao lâu, có bao nhiêu kỳ hạn trả nợ, mỗi kỳ hạn trả bao nhiêu tiền ... Ngoài ra, bị đơn cho rằng bà T đã đồng ý không tính lãi nên bị đơn mới mang trả đủ số tiền nợ gốc. Tuy nhiên ngày trả tiền là sau khi Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đã thụ lý vụ án và tại thời điểm này quyền định đoạt là của bà N. Do đó, các lý do bị đơn đưa ra là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Theo khoản 3 Điều 440 của Bộ luật Dân sự quy định: “Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này”. Đối chiếu khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự xét thấy hợp đồng mua bán tài sản giao kết giữa các bên là hợp đồng bằng lời nói và không có thoả thuận mức lãi chậm trả nên mức lãi suất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn về số tiền tính lãi, mức lãi suất và thời hạn trả lãi phù hợp với các quy định đã viện dẫn nên được Hội đồng xét xử xét chấp nhận toàn bộ. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn không đồng ý để cho bị đơn trả dần nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét kháng cáo yêu cầu trả dần của phía bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù ông Huỳnh Văn Vũ L thay đổi lời khai so với giai đoạn sơ thẩm nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, xét kháng cáo của bị đơn – ông L cũng như những lời trình bày, tranh luận tại phiên tòa xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông L là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Vì vậy, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn Vũ L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 201/2024/DS-ST ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Căn cứ vào các Điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 288, 357, 430, 440 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N.

Buộc bị đơn ông Huỳnh Văn Lẹ E, bà Nguyễn Thị B và ông Huỳnh Văn Vũ L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Hồng N số tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi heo tổng cộng là 254.708.000 (hai trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm lẻ tám nghìn) đồng và số tiền lãi là 63.211.000 (sáu mươi ba triệu hai trăm mười một nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn Lẹ E, bà Nguyễn Thị B và ông Huỳnh Văn Vũ L có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền là 15.896.000 (mười lăm triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn) đồng.

+ Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Hồng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.945.000 (bảy triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004822 ngày 25/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

+ Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Văn Vũ L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0008330 ngày 27/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Các đương sự;
- Phòng TT, KT&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Phận